



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về báo cáo tài chính giữa niên độ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG
Kết thúc ngày 30/06/2016

Được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

Trụ sở chính: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
admin@thanglongtdk.com.vn

Website: www.kiemtoanhanglongtdk.com

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 – 02
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	03 – 04
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	- Báo cáo thu nhập toàn diện	05
	- Báo cáo tình hình tài chính	06 – 08
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 10/GPHDKD ngày 18 tháng 02 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh số 495/QĐ-UBCK ngày 03 tháng 11 năm 2005; số 137/UBCK-GP ngày 27 tháng 06 năm 2008; số 187/UBCK- GP ngày 03 tháng 02 năm 2009; số 213/UBCK- GP ngày 17 tháng 03 năm 2009; số 231/UBCK-GP ngày 20 tháng 04 năm 2009; số 292/ UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2009; số 68/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2011; số 81/GPĐC- UBCK ngày 26 tháng 04 năm 2012; số 81/GPĐC- UBCK ngày 29 tháng 04 năm 2012; số 112/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012; số 28/GPĐC-UBCK ngày 14/6/2013; số 15/GPĐC-UBCK ngày 3/4/2015; số 33/GPĐC-UBCK ngày 10/7/2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14/2/2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/5/2006.

Trụ sở hoạt động: Tầng 5 tòa nhà 21T2 Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).**

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch	Bầu ngày 25/07/2016
Ông Phạm Trí Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/07/2016
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016
Ông Hoàng Như Hải	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016
Bà Phan Thị Tuyết Nhung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2016
Bà Trần Thị Huệ Chi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2016
Bà Phan Thị Phương Thủy	Ủy viên	
Ông Vũ Văn Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Chu Thị Lụa	Trưởng ban
Bà Mai Thị Diệp	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Như Hải	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch nào khác có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho kỳ kế toán này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. -

Thay mặt

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 130.1/2016/BCKT-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		7.36		
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	6	7.36.5	0	10.430.592
1.8. Doanh thu tư vấn	8	7.36.5	0	860.000.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		0	870.430.592
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		236.475.901	263.812.799
2.12. Chi phí khác	32		54.046.234	699.625.753
Cộng chi phí hoạt động	40		290.522.135	963.438.552
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		7.37		
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		82.118.495	108.178.685
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		82.118.495	108.178.685
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		7.40		
Cộng chi phí tài chính	60		0	0
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		0	0
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.41	(8.482.520.301)	501.312.167
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		8.274.116.661	(486.141.442)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Cộng kết quả hoạt động khác	80		0	0
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		8.274.116.661	(486.141.442)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		8.274.116.661	(486.141.442)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		0	0
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	7.44	0	0
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		8.274.116.661	(486.141.442)

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Người lập

ĐOÀN VĂN HỒNG

Q. Kế toán trưởng

TRẦN TUẤN ANH

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.382.544.066	69.308.145.891
I. Tài sản tài chính	110		79.095.989.066	69.189.590.891
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	72.649.971.663	50.088.555.252
1.1. Tiền	111.1		1.849.971.663	88.555.252
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		70.800.000.000	50.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	26.310.858	26.310.858
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7.3.2	5.802.224.000	5.802.224.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3.6	(13.398.806)	(13.398.806)
7. Các khoản phải thu	117		29.500.000	2.000.000.000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7.5.1	0	2.000.000.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2	7.5.2	29.500.000	0
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		29.500.000	0
8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118		13.549.940	0
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.5.5	0	50.000.001
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	3.125.955.997	22.842.774.172
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(2.538.124.586)	(11.606.874.586)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		286.555.000	118.555.000
1. Tạm ứng	131		20.000.000	5.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.21.1	153.000.000	113.555.000
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		113.555.000	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.203.737.137	2.165.702.096
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.18	0	0
- Nguyên giá	222		3.422.597.897	3.422.597.897
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.422.597.897)	(3.422.597.897)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.19	0	0
- Nguyên giá	228		7.555.205.543	7.555.205.543
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7.555.205.543)	(7.555.205.543)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	250		2.203.737.137	2.165.702.096
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.22	2.203.737.137	2.165.702.096
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.586.281.202	71.473.847.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.895.830.640	3.057.514.085
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.895.830.640	3.057.514.085
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.15	320.346.128	752.590.181
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		55.000.000	455.818.182
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.11	1.209.020.914	1.169.528.732
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		449.218.598	315.727.990
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	40.000.000	80.000.000
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.16	2.822.245.000	283.849.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.690.450.562	68.416.333.902
I. Vốn chủ sở hữu	410		76.690.450.562	68.416.333.902
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		100.000.000.000	100.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		100.000.000.000	100.000.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.321.976.000	1.321.976.000
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.24	(24.631.525.438)	(32.905.642.098)
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(24.631.525.438)	(32.905.642.098)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		0	0
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	430		76.690.450.562	68.416.333.902
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		81.586.281.202	71.473.847.987
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		10.000.000	10.000.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.27	7.190.000	7.190.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		7.190.000	7.190.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
<i>Số lượng chứng khoán</i>				
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.35	2.234.033	2.207.814
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>2.228.343</i>	<i>2.202.407</i>
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>5.649</i>	<i>5366</i>
<i>c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố</i>	<i>022.3</i>		<i>41</i>	<i>41</i>
6. Tiền gửi của khách hàng	026	7.39	12.051.277.748	12.568.215.783
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		12.051.277.748	12.568.215.783
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>027.1</i>		<i>12.051.277.748</i>	<i>12.568.215.783</i>
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	7.41	12.051.277.748	12.354.334.910
<i>7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.1</i>		<i>1.301.845.087</i>	<i>1.144.990.827</i>
<i>7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.2</i>		<i>10.749.432.661</i>	<i>11.209.344.083</i>

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Người lập

HOÀN VĂN HỒNG

Q. Kế toán trưởng

TRẦN TUẤN ANH

Tổng Giám đốc



HOÀNG NHƯ HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		8.274.116.661	(486.141.442)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Các khoản dự phòng	04		0	400.012.200
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(79.445.000)	(67.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		(52.618.495)	(108.178.685)
- Dự thu tiền lãi	08		(29.500.000)	0
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10			
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	20			
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	27		(9.068.750.000)	0
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30			
- Tăng (giảm) các tài sản khác	35		(13.549.940)	(2.000.000)
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42			
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	43		2.000.000.000	0
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		50.000.001	51.399.999
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	47		19.716.818.175	433.645.031
(+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	48		(432.244.053)	0
(+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		39.492.182	11.120.287
(+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	51		2.271.068.426	(167.638.833)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		(166.590.041)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		22.508.797.916	65.218.557
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		52.618.495	51.726.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		52.618.495	51.726.461
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		0	0
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		22.561.416.411	116.945.018
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		50.088.555.252	50.413.289.516
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		88.555.252	413.289.516
Các khoản tương đương tiền	102.2		50.000.000.000	50.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		72.649.971.663	50.530.234.534
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		1.849.971.663	530.234.534
Các khoản tương đương Tiền	104.2		70.800.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		34.040.000	975.251.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		0	(279.892.000)
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09		(773.027.643)	(936.090.994)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(5.405.703)	(8.755.260)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		227.455.311	375.747.762
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		0	(49.158.000)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>(516.938.035)</i>	<i>77.103.308</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		12.568.215.783	12.320.459.770
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		12.568.215.783	12.320.459.770
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		12.051.277.748	12.397.563.078
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.051.277.748	12.397.563.078

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Người lập

ĐOÀN VĂN HỒNG

Q. Kế toán trưởng

TRẦN TUẤN ANH

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm				Số dư cuối	
		Tại 01/01/2015	Tại 01/01/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015		Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Tại 30/06/2015	Tại 30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	0	100.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	0	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.321.976.000	1.321.976.000	0	0	0	0	1.321.976.000	1.321.976.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(24.171.143.876)	(32.905.642.098)	0	(486.141.442)	8.274.116.661	0	(24.657.285.318)	(24.631.525.438)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(24.171.143.876)	(32.905.642.098)	0	(486.141.442)	8.274.116.661	0	(24.657.285.318)	(24.631.525.438)
Cộng		77.150.832.124	68.416.333.902	0	(486.141.442)	8.274.116.661	0	76.664.690.682	76.690.450.562
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập

Hoàng
HOÀNG VĂN HỒNG

Q. Kế toán trưởng

Trần Tuấn Anh

TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

 HOÀNG NHƯ HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 10/GPHDKD ngày 18 tháng 02 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh số 495/QĐ-UBCK ngày 03 tháng 11 năm 2005; số 137/UBCK-GP ngày 27 tháng 06 năm 2008; số 187/UBCK- GP ngày 03 tháng 02 năm 2009; số 213/UBCK- GP ngày 17 tháng 03 năm 2009; số 231/UBCK-GP ngày 20 tháng 04 năm 2009; số 292/ UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2009; số 68/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2011; số 81/GPĐC- UBCK ngày 26 tháng 04 năm 2012; số 81/GPĐC- UBCK ngày 29 tháng 04 năm 2012; số 112/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012; số 28/GPĐC-UBCK ngày 14/6/2013; số 15/GPĐC-UBCK ngày 3/4/2015; số 33/GPĐC-UBCK ngày 10/7/2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14/2/2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/5/2006.

1.2. Trụ sở hoạt động: Tầng 5 tòa nhà 21T2 Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK: Được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 và ban hành ngày 27/06/2016.

1.4. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính.

1.5. Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2016:

STT	Tên thành viên góp vốn	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty đầu tư PSP Việt Nam	990.000	9.900.000.000	9,90%
2	Công ty TNHH Chế biến NSXK & TM Hoàng Long (nay là Công ty cổ phần Thương mại sản xuất Dăm Ủ Đ TM'L)	990.000	9.900.000.000	9,90%
3	Công ty CP Đầu tư B.M.T Việt Nam	990.000	9.900.000.000	9,90%
4	Các cổ đông khác	7.030.000	70.300.000.000	70,30%
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	100,00%

1.6. Hạn chế đầu tư và cho vay: thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1. Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND (Ký hiệu là VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

4.1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chung khoán.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn từ hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các tài sản tài chính:

4.2.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

4.2.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán, được công ty chứng khoán đầu tư nhưng không có mục tiêu ngắn hạn và kể cả dài hạn cũng chưa xác định được.

Xác định giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (bao gồm cả các công cụ phái sinh) theo giá trị hợp ký mà không được giảm trừ cho bất kỳ khoản chi phí giao dịch nào có thể phát sinh trong quá trình bán và thanh lý các tài sản này, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy (những tài sản này phản ánh theo giá gốc).

4.2.3. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:

a, Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right)$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

b, Cuối niên độ kế toán, khi giá trị của tài sản nhận thế chấp (tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý) bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay thì lập dự phòng giảm giá tài sản thế chấp.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá các tài} \\ \text{sản tài chính} \\ \text{nhận thế chấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản cho vay tính} \\ \text{theo giá trị trường hoặc giá trị} \\ \text{hợp lý theo cam kết tại Hợp} \\ \text{đồng vay có tài sản thế chấp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản thuận của tài} \\ \text{sản nhận thế chấp tính theo} \\ \text{giá trị thị trường hoặc giá} \\ \text{trị hợp lý} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

4.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Phải thu bán các tài sản tài chính bao gồm: phải thu về bán, thu hồi khi đáo hạn khoặc thanh lý các tài sản tài chính; giá trị khớp lệnh bán các tài sản tài chính; thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư...

Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp bao gồm: các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác về phí môi giới, phí tư vấn, phí lưu ký, phí bảo lãnh và các loại phí của các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp.

4.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ khó đòi được xác định như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thuê nhà.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Phí kiểm toán.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

4.8.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.8.2. Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu: được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

4.8.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

4.10.1. Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi có định mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

4.10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyên nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

4.10.3. Doanh thu hoạt động tài chính gồm các loại sau:

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý CTCK.

4.11.1. Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

4.11.2. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

4.11.3. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

4.11.4. Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

4.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai củ mộ công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công vụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5. Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Tiền mặt tại quỹ	265.915.847	1.283.623
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.584.055.816	87.271.629
- Tiền gửi có kỳ hạn	70.800.000.000	50.000.000.000
Cộng	72.649.971.663	50.088.555.252

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
a. Cửa công ty chứng khoán	0	0	0	0
- Cổ phiếu	0	0	0	0
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	2.300	374.753	34.040.000	12.079.797.800
- Cổ phiếu	2.300	374.753	34.040.000	12.079.797.800
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
Tổng cộng	2.300	374.753	34.040.000	12.079.797.800

A.7.3. Các loại tài sản tài chính**7.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu niêm yết	26.310.858	12.912.052	26.310.858	12.912.052
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
Cộng	26.310.858	12.912.052	26.310.858	12.912.052

7.3.2. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản AFS	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.802.224.000	5.802.224.000	5.802.224.000	5.802.224.000
+ MLG	2.373.654.000	2.373.654.000	2.373.654.000	2.373.654.000
+ TPbank	3.428.570.000	3.428.570.000	3.428.570.000	3.428.570.000
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
Cộng	5.802.224.000	5.802.224.000	5.802.224.000	5.802.224.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

7.3.6. Về tình hình lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
I	TSTC FVTPL						
<i>1</i>	<i>Cổ phiếu NY</i>	719	26.310.858	12.912.052	13.398.806	13.398.806	0
	ACB	57	4.191.800	1.128.600	3.063.200	3.063.200	0
	BCC	50	1.000.000	670.000	330.000	330.000	0
	DHI	81	3.847.500	3.847.500	0	0	0
	EBS	44	1.266.100	356.400	909.700	909.700	0
	HTP	160	1.716.000	1.440.000	276.000	276.000	0
	NBC	78	1.045.800	(40.846)	1.086.646	1.086.646	0
	NTP	56	3.023.558	3.470.526	(446.968)	(446.968)	0
	SD9	89	4.804.500	1.157.000	3.647.500	3.647.500	0
	VTC	6	496.140	33.600	462.540	462.540	0
	BHS	3	91.960	58.500	33.460	33.460	0
	BT6	9	225.620	49.500	176.120	176.120	0
	DRC	3	104.320	139.627	(35.307)	(35.307)	0
	GMC	1	31.540	36.800	(5.260)	(5.260)	0
	GMD	6	564.420	254.400	310.020	310.020	0
	HAP	1	29.450	5.900	23.550	23.550	0
	ITA	5	206.590	(7.718)	214.308	214.308	0
	KHA	5	73.810	150.000	(76.190)	(76.190)	0
	KHP	6	135.130	69.000	66.130	66.130	0
	MHC	1	40.540	15.300	25.240	25.240	0
	PGC	8	365.400	19.650	345.750	345.750	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

	PNC	2	69.300	28.000	41.300	41.300	0
	PPC	7	395.550	128.100	267.450	267.450	0
	REE	8	354.000	201.600	152.400	152.400	0
	SAM	4	236.580	34.000	202.580	202.580	0
	TCR	2	63.000	11.800	51.200	51.200	0
	TMS	6	186.670	597.000	(410.330)	(410.330)	0
	TYA	5	282.270	46.500	235.770	235.770	0
	PVD	7	682.440	185.500	496.940	496.940	0
	VHG	7	704.080	(1.173.577)	1.877.657	1.877.657	0
	IFS	2	76.790	(610)	77.400	77.400	0
2	Cổ phiếu CNY	0	0	0	0	0	0
3	Trái phiếu	0	0	0	0	0	0
	Cộng	725	26.310.858	12.912.052	13.398.806	13.398.806	0
II	TSTC HTM	0	0	0	0	0	0
II	TSTC cho vay	0	0	0	0	0	0
IV	TSTC AFS	0	0	0	0	0	0
	MLG	99.450	2.373.654.000	0	0	0	0
	TPbank	342.857	3.428.570.000	0	0	0	0
	Cộng	442.307	5.802.224.000	0	0	0	0
	Cộng	725	11.630.758.858	12.912.052	13.398.806	13.398.806	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**A.7.5. Các khoản phải thu****7.5.1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư**

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
- Phải thu bán cổ phiếu TPB	0	2.000.000.000
Cộng	0	2.000.000.000

*Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi***7.5.2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	29.500.000	0
Cộng	29.500.000	0

*Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi***7.5.5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
- Phải thu phí tư vấn	0	50.000.001
Cộng	0	50.000.001

7.5.7. Phải thu khác

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
- Công ty CP ĐTPT Việt Thành	0	12.437.500.000
- Công ty CP Đầu tư PSP VN	0	2.238.000.000
- Công ty Cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gỗ TMT	0	2.700.000.000
- Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế giới	0	1.500.000.000
- Các đối tượng khác	3.125.955.997	3.967.274.172
Cộng	3.125.955.997	22.842.774.172

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

A.7.6. Dự phòng phải thu khó đòi

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Kỳ này			
				Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Dự phòng khó đòi bán các tài sản tài chính	2.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
2	Dự phòng khó đòi phải thu khác	18.175.624.586					
	- Phải thu NĐT và CBNV	3.038.124.586		3.038.124.586	0	500.000.000	2.538.124.586
	- Công ty CP ĐTPT Việt Thành	12.437.500.000		6.218.750.000	0	6.218.750.000	0
	- Công ty Cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gỗ TMT	2.700.000.000		1.350.000.000	0	1.350.000.000	0
	Cộng	20.175.624.586		11.606.874.586	0	9.068.750.000	2.538.124.586

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
A.7.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	31.818.182	0
- Thuế Thu nhập cá nhân	301.819.925	294.145.925
- Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	875.382.807	875.382.807
Cộng	1.209.020.914	1.169.528.732
A.7.13. Chi phí phải trả		
- Phí kiểm toán	40.000.000	80.000.000
Cộng	40.000.000	80.000.000
A.7.15. Phải trả người bán		
- Phải trả liên quan đến hoạt động CTCK	320.346.128	752.590.181
Cộng	320.346.128	752.590.181
A.7.16. Phải trả, phải nộp khác		
- Công ty MT & DT Chí Linh	2.822.245.000	283.849.000
Cộng	2.822.245.000	283.849.000

A.7.18. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>		
Tại ngày 01/01/2016	3.422.597.897	3.422.597.897
Tại ngày 30/06/2016	3.422.597.897	3.422.597.897
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Tại ngày 01/01/2016	3.422.597.897	3.422.597.897
Tại ngày 30/06/2016	3.422.597.897	3.422.597.897
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>		
Tại ngày 01/01/2016	0	0
Tại ngày 30/06/2016	0	0

A.7.19. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Tại ngày 01/01/2016	7.555.205.543	7.555.205.543
Tại ngày 30/06/2016	7.555.205.543	7.555.205.543
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Tại ngày 01/01/2016	7.555.205.543	7.555.205.543
Tại ngày 30/06/2016	7.555.205.543	7.555.205.543
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>		
Tại ngày 01/01/2016	0	0
Tại ngày 30/06/2016	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
A.7.21. Chi phí trả trước		
<i>7.21.1. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>153.000.000</i>	<i>113.555.000</i>
- Tiền thuê văn phòng	153.000.000	113.555.000
<i>7.21.1. Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	153.000.000	113.555.000
A.7.22. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	2.045.702.096	1.650.027.729
- Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	38.035.041	395.674.367
Cộng	2.203.737.137	2.165.702.096
A.7.24. Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(24.631.525.438)	(32.905.642.098)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	0	0
Cộng	(24.631.525.438)	(32.905.642.098)
A.7.27. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.190.000	7.190.000
Cộng	7.190.000	7.190.000
A.7.35. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.228.343	2.202.407
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	5.649	5.366
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	41	41
Cộng	2.234.033	2.207.814
A.7.39. Tiền gửi của Nhà đầu tư		
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.051.277.748	12.568.215.783
<i>1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>1.301.845.087</i>	<i>1.358.871.700</i>
<i>1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>10.749.432.661</i>	<i>11.209.344.083</i>
Cộng	12.051.277.748	12.568.215.783

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

A.7.41. Phải trả Nhà đầu tư	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.051.277.748	12.354.334.910
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	1.301.845.087	1.144.990.827
1.2. Của Nhà đầu tư trong nước	10.749.432.661	11.209.344.083
Cộng	12.051.277.748	12.354.334.910

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Đơn vị tính: VND

B.7.36. Thu nhập**7.36.5. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

Các loại doanh thu khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		
- Doanh thu ban đầu	0	10.430.592
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	0	10.430.592
3. Doanh thu tư vấn		
- Doanh thu ban đầu	0	860.000.000
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	0	860.000.000
Cộng	0	870.430.592

B.7.37. Doanh thu hoạt động tài chính

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
4. Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.118.495	108.178.685
Cộng	82.118.495	108.178.685

B.7.41. Chi phí quản lý CTCK

Loại chi phí quản lý CTCK	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	493.544.698	384.806.167
- Chi phí thuê, phí và lệ phí	8.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	(9.068.750.000)	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.685.001	112.506.000
Cộng	(8.482.520.301)	501.312.167

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Địa chỉ: Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên các báo cáo: Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

8.2. Thông tin về các bên liên quan**8.2.1. Thông tin về các bên liên quan**

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Phạm Trí Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gỗ TMT	Cổ đông lớn
4	Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế Giới	Ông Phạm Trí Thành làm Tổng Giám đốc

8.2.2. Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền (VND)	
		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phạm Trí Thành	Tạm ứng	15.000.000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Trả trước theo Hợp đồng tư vấn cơ cấu nợ	0	646.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Thu lại tiền ứng trước	2.238.000.000	0
Công ty cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gỗ TMT	Thu lại tiền ứng trước	2.700.000.000	0
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế Giới	Thu hồi công nợ	1.500.000.000	0

8.3. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Người lập

Uong
 HOANG VAN HONG

Q. Kế toán trưởng

Tran A
 TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

